TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 4 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân Ngọc và bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1992.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn P2, xã P1, huyện P, Thành phố Hà Nội.
Cư trú tại: Thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1989.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn P2, xã P1, huyện P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị M trình bày:

Chị với anh Đào Văn Đ kết hôn với nhau từ tháng 11 năm 2012 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An (Đăng ký kết hôn số 72/2012 ngày 13/11/2012). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn P2, xã P1, huyện P. Quá trình chung sống vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, trong công việc, trong làm ăn kinh tế mỗi người một chí hướng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, từ đó thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí nhiều lần còn xảy ra xô xát. Mâu thuẫn trầm trọng kể từ tháng 4/2015, đến tháng 8/2015 chị về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An, vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Duy N, sinh ngày 09/4/2013 hiện đang ở cùng chị; do con chung còn nhỏ nên ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn anh Đào Văn Đ:

Mặc dù đã nhiều lần được triệu tập đến Tòa làm việc cũng như triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên không rõ quan điểm.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian ly thân lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị M và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Võ Thị M được ly hôn anh Đào Văn Đ; về con chung giao chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Duy N, sinh ngày 09/4/2013 và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ; về tài sản chung, công nợ chung không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn P2, xã P1, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đào Văn Đ: Quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị M và anh Đào Văn Đ là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An (Đăng ký kết hôn số 72/2012 ngày 13/11/2012). Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống, từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2015 khiến chị M bỏ đi khỏi nhà anh Đ, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho

đến nay. Về phía anh Đ đã được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải nhiều lần song đều không đến Tòa làm việc đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do thời gian mâu thuẫn, sống ly thân đã quá lâu, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa.... Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị M về ly hôn anh Đ là có căn cứ nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị M được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị M, anh Đ có 01 con chung là Đào Duy N, sinh ngày 09/4/2013 hiện chị M đang nuôi dưỡng; do con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ, cháu N lại có nguyện vọng được ở cùng chị M, mặt khác phía anh Đ không đến Tòa làm việc, không có quan điểm, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M về nuôi dưỡng con chung là hợp lẽ và ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án do anh Đ không đến Tòa làm việc nên chưa có đầy đủ căn cứ xác định được tài sản chung, công nợ chung của chị M, anh Đ; để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nên phần tài sản, công nợ chung cần tách ra chưa xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị M và bị đơn anh Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị M được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Võ Thị M và anh Đào Văn Đ là Đào Duy N, sinh ngày 09/4/2013 cho chị Võ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn cho anh Đào Văn Đ việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Đào Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005674 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành an được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Anh Phương